Các trường hợp cấm thành lập doanh nghiệp

(GPLaw) - Theo Luật Doanh nghiệp hiện hành, các trường hợp cấm thành lập doanh nghiệp bao gồm những đối tượng đang trong tình trạng đặc biệt về tư cách pháp lý, những người đang bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, và những cá nhân, tổ chức có liên quan đến các hoạt động vi phạm pháp luật nghiêm trọng. Những quy định này nhằm ngăn chặn việc lợi dụng hình thức doanh nghiệp để thực hiện các hành vi trái pháp luật, đồng thời bảo vệ môi trường kinh doanh lành mạnh.

1. Các trường hợp bị cấm thành lập doanh nghiệp:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020 thì những nhóm đối tượng sau đây bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:

> "(1) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình.
>
> (2) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.
>
> (3) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quản lý tại doanh nghiệp nhà nước;

(4) Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp 2020, trừ người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;

(5) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người bị mất năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; tổ chức không có tư cách pháp nhân;

(6) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; các trường hợp khác theo quy định của Luật Phá sản, Luật Phòng, chống tham nhũng.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh;

(7) Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.”

Như vậy, các đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp là cán bộ, viên chức, công chức, sỹ quan, công an nhân dân, cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước, người chưa thành niên, người mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự, người đang bị tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, người đang chịu các trách nhiệm về hình sự.

2. Những ai được phép thành lập doanh nghiệp:

2.1. Chủ thể là cá nhân:

Theo quy định tại Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14:

- Mọi cá nhân không phân biệt quốc tịch và nơi cư trú, dù là người Việt Nam hoặc người nước ngoài đều có quyền thành lập, góp vốn vào doanh nghiệp.
- Cá nhân đó phải từ 18 tuổi trở lên v
- Có đủ năng lực hành vi dân sự để chịu trách nhiệm đối với doanh nghiệp do mình thành lập hoặc góp vốn thành lập.

Đối với cá nhân là người nước ngoài lần đầu thành lập công ty tại Việt Nam, họ phải tuân thủ các thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư để thành lập công ty. Trong trường hợp này, công ty do người nước ngoài thành lập sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật đầu tư.

2.2. Chủ thể là tổ chức:

Theo quy định tại Điều 17, Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14:

- Mọi tổ chức đều có quyền thành lập quản lý doanh nghiệp, các tổ chức này bao gồm cả doanh nghiệp trong nước (công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn) lẫn doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và không phân biệt nơi đăng ký địa chỉ trụ sở chính.
- Chủ thể thành lập doanh nghiệp là tổ chức phải có tư cách pháp nhân và tổ chức chỉ có thể đầu tư vốn thành lập doanh nghiệp khi có tài sản độc lập và có khả năng chịu trách nhiệm độc lập bằng tài sản đó. Tài

sản độc lập của tổ chức không chỉ giúp đảm bảo trách nhiệm tài chính, mà còn tạo ra cơ sở vững chắc để tổ chức tham gia các hoạt động kinh doanh và phát triển doanh nghiệp một cách bền vững và hiệu quả theo quy định của pháp luật. Điều này là phù hợp và logic khi luật pháp của nước ta quy định "có tài sản độc lập" là điều kiện bắt buộc của một pháp nhân.

Đối với tổ chức nước ngoài lần đầu thành lập công ty tại Việt Nam thì phải tiến hành thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư để thành lập công ty. Khi đó, công ty do tổ chức nước ngoài này thành lập sẽ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của Luật đầu tư.

3. Đối tượng nào được thành lập, quản lý doanh nghiệp nhưng có quyền góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp:

Căn cứ theo nội dung tại Khoản 3 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020 số 59/2020/QH14 quy định về những đối tượng không được phép quyền mua cổ phần, góp vốn, mua phần vốn trong các mô hình công ty như sau:

"Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp

…

3. Tổ chức, cá nhân có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, trừ trường hợp sau đây:

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;

b) Đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Phòng, chống tham nhũng.”

Theo đó, trừ các đối tượng không có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần theo khoản 3 nêu trên thì các cá nhân, tổ chức khác đều có quyền góp vốn, mua phần vốn góp, cổ phần trong các công ty.